

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 21: từ ngày 05/01/2026 đến ngày 11/01/2026

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7
K10-DVTY P.E201	Sáng		KT thịt và các sp khác (Duyên) 4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4	Quản trị kinh doanh (Hoa) 2 Luật thú y (Nga) 2	KT thịt và các sp khác (Duyên) 4	KTNPB cho gia cầm (Hoà) 3
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 PP thí nghiệm (Hằng) 3	KTNPB cho chó mèo (Lệ) 2 CĐ và ĐTH thú y (Vân) 2	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4	Trồng trọt cơ bản (Thọ) 4	KT thịt và các sp khác (Duyên) 4
K11-DVTY P.E303	Sáng			KTTG (Nga) 4		Luật thú y (Nga) 4	KTNPB cho lợn (Hưng) 4
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quyên)</i> 1 KTNPB cho chó mèo (Lệ) 3	Quản trị kinh doanh (Hoa) 4		Quản trị kinh doanh (Hoa) 4		KTNPB cho gia cầm (Hoà) 4
K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Lý thuyết KT (Q.Mai) 3		Lý thuyết KT (Q.Mai) 4			
	Chiều						
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY							
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Côn trùng đại cương (Hương) 3	Khuyến nông (Huệ) 4	Côn trùng đại cương (Hương) 4	Tiếng anh (Linh) 4	Côn trùng đại cương (Hương) 3	Côn trùng chuyên khoa (Huyền) 4
	Chiều						
TT65A3 P.B102	Sáng	Côn trùng đại cương (Lịch) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1	Khuyến nông (Thọ) 4	Côn trùng đại cương (Lịch) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	Khuyến nông (Thọ) 4	Khuyến nông (Thọ) 4
	Chiều						
LN65A	Sáng	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 3 <i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 4	QLKT hộ trang trại (Hoa) 4	Đất trồng phân bón (Hương) 4	QLKT hộ trang trại (Hoa) 4	Vườn ươm cây giống (Hùng) 4
	Chiều		Đất trồng phân bón (Hương) 3			Vườn ươm cây giống (Hùng) 4	Sinh thái rừng và MT (Tuyết) 4
CN64A1 P.E203	Sáng		KTNPB cho chó mèo (Lệ) 4	KTNPB cho lợn (Hưng) 4	KTNPB cho chó mèo (Lệ) 4		
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPB cho gà vịt (Hoà) 3	Ký sinh trùng (Phượng) 4	KTNPB cho chó mèo (Lệ) 4	KTNPB cho trâu bò (Vân) 4	KTNPB cho lợn (Hưng) 4	Trồng trọt cơ bản (Huyền) 3
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 GD chính trị (Tài) 3	KTTG (Quyên) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4
	Chiều		Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	KTTG (Quyên) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4		
CN65A3 P.B203	Sáng	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 KTTG (Nga) 3	Dược lý thú y (Duyên) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Pháp luật (Nga) 4
	Chiều			Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Dược lý thú y (Duyên) 4	

CN65A4 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i>	1	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	Dược lý thú y (Lệ)	4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng)	4	DD và thức ăn CN (Nga)	4
		Dược lý thú y (Lệ)	3										
KTDN64A1 P.E202	Sáng												
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	TH KT trong DNSX (T.Thảo)	3								
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i>	1	Nguyên lý TK (Hoa)	4	Lý thuyết KT (Q.Mai)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4	Kinh tế chính trị (Quế)	2
		Lý thuyết KT (Q.Mai)	3									Luật kinh tế (Huyền)	2
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	Lý thuyết TCTT (P.Thảo)	2	Kinh tế chính trị (Quế)	2	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
		Lý thuyết KT (P.Thảo)	3					Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	Luật kinh tế (Huyền)	2		
CNTT64A1 P.TH	Sáng												
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	Lập trình Windown (Thảo)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4	Lập trình Windown (Thảo)	4				
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Tin học VP (Tâm)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4	Tin học VP (Tâm)	4	Bảng tính Excel (Hà)	4	Tổ chức QLDN (Sơn)	2
		Bảng tính Excel (Hà)	3									Tiếng anh chuyên ngành (Phiên)	2
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i>	1	GD chính trị (Quế)	2	Tin học VP (Phương)	4	Lập trình cơ bản (Thảo)	4	Tin học VP (Phương)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
		Tin học VP (Phương)	3	Tổ chức QLDN (Sơn)	2							Tiếng anh chuyên ngành (Linh)	2
ĐCN64A1 P.E103	Sáng			Tiếng anh (Linh)	4							Tổ chức QLDN (Sơn)	2
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i>	1	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i>	1	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4
	Chiều	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	3										
ĐCN64A3 P.E102	Sáng												
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Trang bị điện (Nga)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4
ĐCN 64B	Sáng												
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i>	1	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4	Trang bị điện (Đ.Đức)	4
ĐCN65A1 P.E303	Sáng			<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>	1	Vật liệu (N.Đức)	4					Vẽ Kỹ thuật điện (P.Anh)	3
	Chiều			Vật liệu (N.Đức)	3								

ĐCN65A2 P.E302	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Tiền)</i> 1 Mạch điện (Huyền) 4		Vẽ kỹ thuật điện (N.Đức) 4		
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Anh)</i> 1 Vẽ KT điện (N.Đức) 3	Tin học (Quang) 4	Mạch điện (Dương) 4	Tin học (Quang) 4	Mạch điện (Dương) 4	Mạch điện (Dương) 4
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Anh)</i> 1 Mạch điện (H. Anh) 3	Tiếng anh (Linh) 4	Vật liệu (P.Anh) 4	Vật liệu (P.Anh) 4	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 4	Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 4
	Chiều			Vẽ kỹ thuật (N.Đức) 4			
ĐCN65B3 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> 1 Tiếng anh (K.Nhung) 3	Vẽ kỹ thuật (P.Anh) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Khí cụ điện (Nga) 4	Mạch điện (Huyền) 4	Mạch điện (Huyền) 4
	Chiều		Khí cụ điện (Nga) 4	Vẽ kỹ thuật (P.Anh) 4			
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> 1 TL cơ sở (Huyền) 3	Tin học (Quang) 4		Tin học (Quang) 4	Thủy văn (Hoà) 4	
	Chiều						TL cơ sở (Huyền) 4
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> 1 TH KT trong DNSX (Mai) 3	KTDN2 (T.Thảo) 4	Kế toán DN2 (Dung) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4	TH KT trong DNSX (Mai) 4
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Nguyên lý thống kê (Mai) 3	Tin học (Quang) 4	Tin học (Quang) 4		Lý thuyết KT (T.Thảo) 4	Lý thuyết KT (T.Thảo) 4
	Chiều				Kỹ năng mềm (Dung) 4		
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 KT lạnh cơ sở (Năm) 3	Tin học (Quang) 4	An toàn lao động (Liên) 3	Tin học (Quang) 3	KT lạnh cơ sở (Năm) 3	KT lạnh cơ sở (Năm) 3
	Chiều				An toàn lao động (Liên) 3		
KTM TT64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Khai thác nổi hơi TT (Đồng) 3	BD, SC thiết bị trên boong (Trung) 3		BD, SC thiết bị trên boong (Trung) 3		
KTM TT65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> 1 Lý thuyết tàu (Trung) 3	Tin học (Quang) 4	Dung sai và KT đo (Đồng) 4	Tin học (Quang) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	MT và BVMT thủy (Ánh) 4
	Chiều				MT và BVMT thủy (Ánh) 3		Dung sai và KT đo (Đồng) 4
NTTS64	Sáng		Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4		
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> 1 Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 3	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4	Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4	Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4	Nuôi cua thương phẩm (Ánh) 4	Vận chuyển ĐVTS (Năm) 4
DKTB65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Ánh)</i> 1 Lý thuyết tàu (Trung) 3	Tin học (Quang) 4	Thông tin LL hàng Hải (Tiền) 4	Tin học (Quang) 4	Lý thuyết tàu (Trung) 4	
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN					
THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
LỚP					
TT64A3	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i>	1	Thủy nông (Lịch)
TT65A2			Khuyến nông (Thọ)	4	
P.B204	Chiều		Thủy nông (Lịch)	4	
CN64A2	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i>	1	KTTG (Vân)
CN65A2			Khuyến nông (Triệu)	4	
P.B205	Chiều		Khuyến nông (Triệu)	4	
K9-ĐCN	Sáng		<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i>	1	Cơ kỹ thuật (Dương)
			Máy biến áp (Đ.Đức)	4	
	Chiều		Máy biến áp (Đ.Đức)	4	Cơ kỹ thuật (Dương)

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Văn Lưu

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 05/01/2026 đến ngày 11/01/2026

THỨ LỚP		Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7	
VH63B1	Sáng	HĐTN (Nhưng) CD Địa lý (Thủy)	I 3	Hoá học (Doan) Toán (Nhưng)	2 2	CD Ngữ văn (Hằng)	4	CD Lịch sử (Hà)	4	GDKT và PL (Thủy)	4	Toán (Nhưng) Ngữ văn (Hằng)	2 2
	Chiều												
VH63B3 P.B302	Sáng	HĐTN (Hà) Hoá học (Hà)	I 3	Toán (Quý) Sinh học (Phượng)	2 2	CD Lịch sử (Dự)	4	CD Lịch sử (Dự)	4	CD Ngữ văn (Hằng)	4	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Quế)	2 2
	Chiều												
VH63B4 P.B303	Sáng	HĐTN (Dự) Ngữ văn (H.Hà)	I 3	Hoá học (Vân) CD Ngữ văn (H.Hà)	2 2	CD Địa lý (Lực)	4	CD Ngữ văn (H.Hà) CD Địa lý (Lực)	2 2	CD Địa lý (Lực) CD Ngữ văn (H.Hà)	2 2	CD Ngữ văn (H.Hà) Hoá học (Vân)	2 2
	Chiều												
VH63B6 P.B304	Sáng	HĐTN (Hoà) CD Ngữ văn (Hường)	I 3	CD Ngữ văn (Hường) CD Địa lý (Lực)	2 2	CD Ngữ văn (Hường)	4	Vật lý (Hoà) CD Ngữ văn (Hường)	2 2	Toán (Nhưng) Hoá học (Vân)	2 2	GDKT và PL (Tài) CD Ngữ văn (Hường)	2 2
	Chiều												
VH63B7 P.B305	Sáng	HĐTN (Nga) CD Địa lý (Ngọc)	I 3	GDKT và PL (Nga) Toán (Quý)	2 2	CD Địa lý (Ngọc) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	GDKT và PL (Nga) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Vật lý (Hoà) Toán (Quý)	2 2	Hoá học (Vân) CD Địa lý (Ngọc)	2 2
	Chiều												
VH63B8 P.B301	Sáng	HĐTN (K.Nhung) Địa lý (Lực)	I 2	Vật lý (Hoà) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Hoà) Toán (Quý)	2 2	CD Ngữ văn (Hường) GDKT và PL (Quyên)	2 2	CD Ngữ văn (Hường) GDKT và PL (Quyên)	2 2	CD Ngữ văn (Hường) Sinh học (Phượng)	2 2
	Chiều												
VH64B1	Sáng	HĐTN (Hằng) Ngữ văn (Hằng)	I 3	Toán (Nhưng) Hoá học (Doan)	2 2	Địa lý (Thủy)		GDKT và PL (Thủy) Ngữ văn (Hằng)	2 2	CD Lịch sử (Hà)	4	Ngữ văn (Hằng) Toán (Nhưng)	2 2
	Chiều												

VH64B3 P.B306	Sáng	HĐTN (Vân) Hoà học (Vân)	I 3	Lịch sử (Dự) CD Ngữ văn (Hường)	2 2	Toán (Dương) Vật lý (Hoà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Toán (Dương)	2 2				
VH64B6 P. E204	Sáng	HĐTN (H. Hà) Toán (Quý)	I 3	Ngữ văn (H.Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Hoà học (Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Lực) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) Hoà học (Hà)	2 2	Địa lý (Lực) Toán (Quý)	2 2
VH64B8 P.E203	Sáng	HĐTN (Phiên) Sinh học (Phượng)	I 3							Lịch sử (Dự) Địa lý (Lực)	2 2	Lịch sử (Dự) GDKT và PL (Tài)	2 2
VH65B1	Chiều	HĐTN (Thuý) CD GDKT và PL (Thuý)	I 3	Địa lý (Thuý)	4	Hoà học (Doan)	4			CD Lịch sử (Hà)	4		
VH65B2 P.E302	Chiều	HĐTN (Quyên) CD GDKT và PL (Quyên)	I 3	Hoà học (Hà) CD Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Dương) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Dương) Hoà học (Hà)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Vật lý (Trung)	2 2		
VH65B3 P.E301	Chiều	HĐTN (Quý) Lịch sử (Dự)	I 3	CD Lịch sử (Dự) CD GDKT và PL (Thắm)	2 2			Ngữ văn (Lý) CD GDKT và PL (Thắm)	2 2	CD GDKT và PL (Thắm) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Dự) Hoà học (Vân)	2 2
VH65B4 P.E101	Chiều	HĐTN (Mạnh) Ngữ văn (Hường)	I 3					GDKT và PL (Nga) Toán (Quý)	2 2	Vật lý (Hoà) Lịch sử (Dự)	2 2	GDKT và PL (Nga) Toán (Quý)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HĐTN (Lực) Địa lý (Lực)	I 3			CD GDKT và PL (Nga) Toán (Dương)	2 2	Vật lý (Hoà) Sinh học (Phượng)	2 2				
VH65B6 P.B204	Chiều	HĐTN (Linh) CD GDKT và PL (Thắm)	I 3			GDKT và PL (Thắm) Địa lý (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Chi)	4	Vật lý (Trung) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Sinh học (Phượng) GDKT và PL (Thắm)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HĐTN (Phượng) GDKT và PL (Nga)	I 3			Địa lý (Phượng) CD GDKT và PL (Nga)	2 2	Sinh học (Phượng) CD Ngữ văn (Lý)	2 2	CD Ngữ văn (Lý) CD GDKT và PL (Nga)	2 2	CD Địa lý (Phượng) GDKT và PL (Nga)	2 2
VH65B8 P.B202	Chiều	HĐTN (Hường) CD GDKT và PL (Quyên)	I 3	CD Địa lý (Lực) Sinh học (Phượng)	2 2							Hoà học (Hà) CD Địa lý (Lực)	2 2
VH65B9 P.B203	Chiều	HĐTN (Hồng) CD Ngữ văn (Chi)	I 3	CD GDKT và PL (Thắm) Sinh học (Hồng)	2 2							CD Ngữ văn (Chi)	4

VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thẩm) Vật lý (Hoà)	I 3	Toán (Dương) Lịch sử (Dự)	2 2	Địa lý (Thủy)	4	CD GD&T và PL (Thẩm) Sinh học (Hồng)	2 2	Toán (Dương) CD Ngữ văn (Lý)	2 2	CD GD&T và PL (Thẩm) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế) Hoá học (Vân)	I 3			CD Ngữ văn (Hà)	4	CD Ngữ văn (Hà)	4				



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Văn Lưu

Đoàn Văn Lưu